TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 30-6-2023.
Về việc*: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Xuân Phong;

2/ Ông Trần Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLST-DS ngày 07-11-2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 253 đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1977, anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 4/7, xóm 5, khu phố L, phường LT, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và trình bày:

Ngày 24-01-2022 ông cho vợ chồng anh Nguyễn Thái T và chị Lê Thị Kim L vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 10-02-2022 ông cho anh T chị L vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Cả hai lần cho ông cho chị L, anh T vay 110.000.000 đồng có viết giấy mượn tiền giao cho ông giữ. Khi cho vay hai bên có thoả thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Chị L anh T vay tiền của ông nhằm mục đích trả nợ đáo hạn ngân hàng.

Từ ngày cho vay đến nay chị L, anh T chưa trả cho ông được khoản nợ gốc và lãi nào nên nay ông khởi kiện yêu cầu chị L, anh T phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 10-02-2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn chị Lê Thị Kim L, anh Nguyễn Thái T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do đó không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/*Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do là đã từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 464, 466, 468, 469 BLDS; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Viện KSND thị xã H đề nghị HĐXX TAND thị xã H: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh ông Nguyễn Văn N buộc chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Thái T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07-11-2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Thái T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N yêu cầu chị L, anh T trả số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng thì thấy rằng: theo giấy mượn tiền mà ông N cung cấp thể hiện ngày 24-01-2022 chị L, anh T vay của ông N số tiền 100.000.000 đồng, ngày 10-02-2022 vay số tiền 10.000.000 đồng. Theo kết luận giám định chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh T về việc giám định chữ viết và chữ ký trong giấy nợ mà ông N cung cấp xác định đúng là chữ viết và chữ ký của chị L, anh T. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc chị L, anh T trả cho ông N

số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của ông N đối với khoản tiền 110.000.000 đồng kể từ ngày 10-02-2022 thì thấy rằng: quá trình làm việc ông N cho rằng hai bên có thoả thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, nhưng theo giấy nợ mà ông N cung cấp thì hai bên cho vay không thoả thuận lãi suất, tuy nhiên có thoả thuận và ghi thời hạn trả là "hết tháng giêng". Quá trình giải quyết vụ án ông N cũng trình bày thời hạn cho vay là 01 tháng là khớp với nội dung ghi trong giấy nợ. Từ ngày cho vay đến nay chị L, anh T không trả được khoản tiền lãi nào cho ông N. Do đó yêu cầu tính lãi của ông N là có căn cứ, nhưng thời hạn tính lãi phải được tính từ ngày 03-3-2022 (thời điểm hết tháng giêng của năm 2022 âm lịch) là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N tính lãi từ ngày 10-02-2022.

Như vậy cần buộc chị L, anh T có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông N số tiền lãi như sau:

110.000.000 đồng x 0.84% x 15 tháng 27 ngày = 15.939.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 464, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Thái T về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Thái T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền gốc 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), và tiền lãi là 15.939.000 đồng. Tổng cộng là 125.939.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: chị Lê Thị Kim L và anh Nguyễn Thái T phải chịu 6.296.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THA DS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Nguyễn Thị Cẩm Ly